

Kiến thức về sức khỏe sinh sản của phụ nữ 15 – 24 tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh

Diệp Từ Mỹ*

TÓM TẮT

Tại Việt Nam, theo thống kê của Viện Nghiên cứu Giáo dục cho thấy: hàng năm có khoảng 300.000 lượt thanh niên chưa kết hôn nạo hút thai. Tỷ lệ nạo hút thai gia tăng rõ ràng là do không sử dụng các biện pháp tránh thai hay đơn giản là thiếu kiến thức về sức khỏe sinh sản (SKSS). Từ trước đến nay, thanh thiếu niên và những người chưa lập gia đình vẫn chưa được coi là đối tượng của các chương trình chăm sóc SKSS của nhà nước. Nhưng thực tế cho thấy, nhu cầu chăm sóc SKSS của các đối tượng này đã và đang trở thành vấn đề cần được quan tâm nhiều hơn ở nước ta.

Mục tiêu: Xác định tỉ lệ phụ nữ 15 – 24 tuổi tại Tp.HCM có kiến thức đúng về SKSS (bao gồm kiến thức về bệnh lây truyền qua đường tình dục, bệnh phụ khoa, thai sản và các biện pháp tránh thai) và nhu cầu tiếp nhận thông tin về SKSS.

Phương pháp: Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp cắt ngang với cỡ mẫu là 800 phụ nữ 15 – 24 tuổi tại Tp.HCM năm 2005. Phương pháp thu thập dữ kiện là phỏng vấn trực tiếp theo bảng câu hỏi soạn sẵn.

Kết quả: Qua nghiên cứu cho thấy có 93,2% phụ nữ 15 – 24 tuổi có kiến thức đúng về các bệnh lây truyền qua đường tình dục (BLTQĐTD). Kiến thức đúng về thai sản có sự khác biệt rõ giữa các nội dung (chiếm tỉ lệ từ 14,3% đến 82,1%). Ngoài ra, nghiên cứu còn cho thấy có 88,6% đối tượng có nhu cầu tiếp nhận thêm thông tin về SKSS.

Kết luận: Nghiên cứu này đã cung cấp một cái nhìn khái quát về mức độ hiểu biết của nữ thanh thiếu niên tại Tp.HCM về lĩnh vực SKSS.

Từ khóa: Kiến thức, sức khỏe sinh sản, thanh thiếu niên, bệnh lây truyền qua đường tình dục, bệnh phụ khoa, thai sản, biện pháp tránh thai.

ABSTRACT

KNOWLEDGE OF REPRODUCTIVE HEALTH OF WOMEN 15 – 24 YEARS OLD IN HO CHI MINH CITY

Diệp Từ Mỹ * Y Học TP. Hồ Chí Minh * Vol. 14 - Supplement of No 1 - 2010: 139-144

In Vietnam, according to statistics by the Institute for Research in Education: nearly 300,000 young unmarried abortion every year. The proportion of abortion increased obviously does not use contraceptive methods or lack of knowledge about reproductive health. Ever, young people and people who have not married have not been considered the objects of the National Reproductive health care programs. But in reality, the needs of these people has becoming an issues that need to be more interested in our country.

Objectives: Determine the proportion of women 15 – 24 years old in Ho Chi Minh City having right knowledge of Reproductive health (including knowledge of STIs, gynecological diseases, pregnancy and contraceptive), and wanting more information on Reproductive health.

* Khoa Y tế Công cộng - Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh
Địa chỉ liên hệ: CN. Diệp Từ Mỹ

ĐT: 0903999893

Email: bomondanso@yahoo.com

Method: This cross-sectional study was conducted on 800 women 15 – 24 years old in HCMC in 2005 by interviewing through the questionnaire.

Results: The research indicated that 93.2% of women aged between 15 – 24 having right knowledge of STIs. Knowledge of pregnancy is difference between contents (accounting rate from 14.3% to 82.1%). In addition, the research also shows that there is 88.6% of the audience who want more information on Reproductive health.

Conclusions: This study has provided an overview of HCMC female adolescents' understanding level in the field of Reproductive health.

Keywords: knowledge, reproductive health, teenagers, STIs, gynecological diseases, pregnancy, contraceptive.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Tại Việt Nam, cứ 2 phút lại có một ca nạo hút thai. Theo thống kê của Viện Nghiên cứu Giáo dục cho thấy: hàng năm có khoảng 300.000 lượt thanh niên chưa kết hôn nạo hút thai. Tỷ lệ nạo hút thai gia tăng rõ ràng là do không sử dụng các biện pháp tránh thai hay đơn giản là thiếu kiến thức về SKSS. Theo một nghiên cứu năm 1998 của công ty Tư vấn Nghiên cứu dân số, chỉ có 32,7% thanh niên 15 – 24 tuổi tại Thái Bình, Quảng Nam, Bình Dương đã từng nghe nói đến thuật ngữ “Sức khỏe sinh sản”⁽²⁾. Do đó, nhu cầu về chăm sóc SKSS cho lứa tuổi này cần được quan tâm nhiều hơn. Nghiên cứu này nhằm giải đáp câu hỏi: Tỷ lệ phụ nữ 15 – 24 tuổi tại Tp.HCM có kiến thức đúng về các vấn đề SKSS là bao nhiêu?

Mục tiêu tổng quát

Xác định tỷ lệ phụ nữ 15 – 24 tuổi tại Tp.HCM có kiến thức đúng về sức khỏe sinh sản.

Mục tiêu cụ thể

- Xác định tỷ lệ phụ nữ có kiến thức về các bệnh lây truyền qua đường tình dục, bệnh phụ khoa, thai sản và biện pháp tránh thai.

- Xác định nhu cầu tiếp nhận thông tin về sức khỏe sinh sản (loại thông tin, nguồn cung cấp thông tin).

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp cắt ngang mô tả với dân số mục tiêu là nữ thanh thiếu niên 15 – 24 tuổi tại Tp.HCM. Với độ tin

cậy 95% và tỉ lệ ước lượng là 50% ở mức ý nghĩa 5%, hệ số thiết kế là 2, ta được cỡ mẫu là 800. Phương pháp chọn mẫu là cụm.

Biến số nghiên cứu bao gồm các biến số nền (tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tình trạng hôn nhân), các biến số kiến thức (các BLATĐTD, các bệnh phụ khoa, thai sản, các biện pháp tránh thai, nạo phá thai an toàn) và biến số nhu cầu tiếp nhận thông tin về SKSS.

Dữ kiện được thu thập bằng cách vãng gia, phỏng vấn trực tiếp theo bảng câu hỏi soạn sẵn. Các dữ liệu được xử lý thô, nhập liệu bằng phần mềm EpiData 3.1 và được xử lý bằng phần mềm thống kê y học Stata 8.0SE.

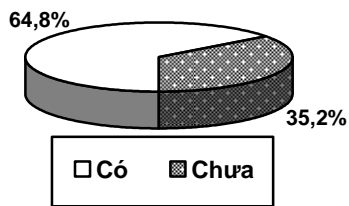
KẾT QUẢ

Các đặc tính của mẫu

Bảng 1: Các đặc tính của mẫu nghiên cứu

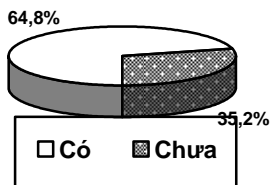
Đặc tính	n	(%)
Nhóm tuổi (n = 810)		
14 – 18	296	(36,5)
19 – 24	514	(63,5)
Nghề nghiệp (n = 810)		
Làm ruộng/làm mướn	25	(3,1)
Nội trợ	35	(4,3)
Công nhân	160	(19,8)
Buôn bán	50	(6,2)
Công nhân viên	103	(12,7)
Học sinh/sinh viên	392	(48,4)
Thất nghiệp	20	(2,4)
Khác	25	(3,1)
Tình trạng hôn nhân (n = 810)		
Đã lập gia đình	86	(10,6)
Chưa lập gia đình	724	(89,4)
Trình độ học vấn (n = 810)		

Đặc tính	n	(%)
Cấp 1	18	(2,2)
Cấp 2	281	(34,7)
Cấp 3	312	(38,5)
> cấp 3	199	(24,6)

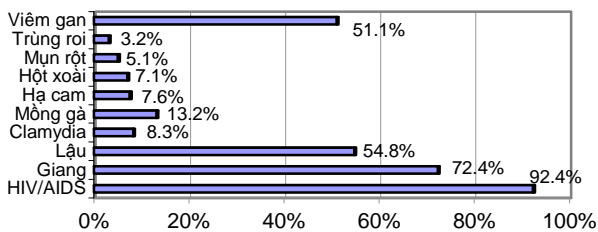


Sơ đồ 1: Tỷ lệ nữ TTN đã có kinh nguyệt

Kiến thức về các BLTQĐTD



Sơ đồ 2: Tỷ lệ nữ TTN có nghe nói về BLTQĐTD



Sơ đồ 3: Tỷ lệ nữ TTN có kiến thức về BLTQĐTD

Bảng 2: Kiến thức về đường lây các BLTQĐTD

Kiến thức	n	(%)
Đúng	538	(93,2)
Không đúng	39	(6,8)
Tổng cộng	577	100

Kiến thức về các bệnh phụ khoa

Bảng 3: Kiến thức về bệnh phụ khoa

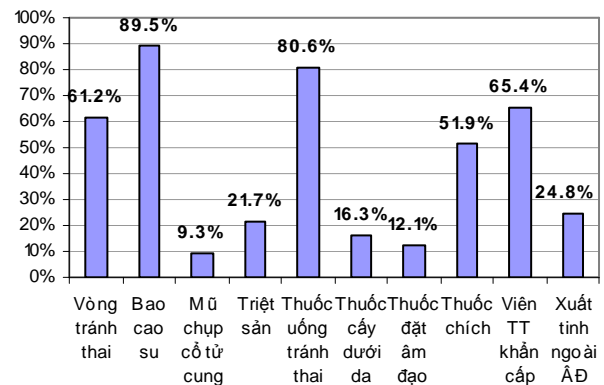
Kiến thức	n	(%)
Triệu chứng (n = 347)		
Đúng	79	(22,8)
Không đúng	268	(77,2)
Biến chứng (n = 347)		
Đúng	109	(31,4)
Không đúng	238	(68,6)

Kiến thức về thai sản

Bảng 4: Kiến thức về thai sản

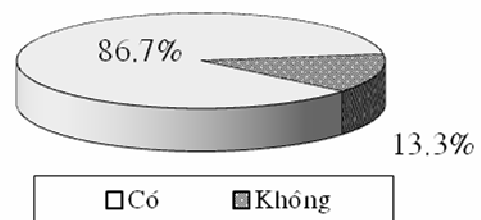
Kiến thức	n	(%)
Tuổi sinh con tốt nhất (n = 810)		
Đúng	665	(82,1)
Không đúng	145	(17,9)
Thời gian dễ thụ thai trong chu kỳ kinh		
Đúng	168	(20,7)
Không đúng	642	(79,3)
Dấu hiệu có thai (n = 810)		
Đúng	116	(14,3)
Không đúng	694	(85,7)
Tai biến sản khoa (n = 810)		
Đúng	604	(74,6)
Không đúng	206	(25,4)

Kiến thức về biện pháp tránh thai (BPTT)

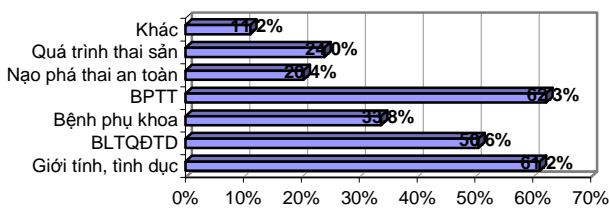


Sơ đồ 4: Kiến thức về các BPTT

Thông tin về sức khỏe sinh sản



Sơ đồ 5: Nhu cầu tiếp nhận thông tin về SKSS



Sơ đồ 6: Loại thông tin về SKSS

Bảng 5: Tỷ lệ các nguồn thông tin về SKSS

Nguồn thông tin	n	(%)
Sách báo	382	(47,2)
Tivi	241	(29,8)
Trường học	177	(21,9)
Internet	556	(68,6)
Nhân viên y tế	42	(5,2)
Áp phích, bướm	60	(7,4)
Nguồn khác	25	(3,1)

BÀN LUẬN

Đặc tính của mẫu nghiên cứu

Cỡ mẫu nghiên cứu được ước lượng là 800 mẫu nhưng trong thực tế tiến hành khảo sát đã thu thập được 810 mẫu phù hợp với các tiêu chuẩn chọn mẫu (đảm bảo đủ cỡ mẫu). Trong đó đa số là ở độ tuổi 19 – 24 (chiếm 63,5%).

Về nghề nghiệp, gần một nửa là học sinh/sinh viên (392 người, chiếm tỉ lệ 48,4%). Điều này phù hợp với lứa tuổi thanh thiếu niên. Kế tiếp là công nhân (19,8%) và công nhân viên (12,7%).

Về trình độ học vấn, mẫu phân bố đều ở các cấp 2, cấp 3 và trên cấp 3 với tỉ lệ lần lượt là 34,7%; 38,5%; 24,6%. Chỉ có một lượng nhỏ (2,2%) có trình độ học vấn là cấp 1.

Kiến thức về các bệnh lây truyền qua đường tình dục (BLTQĐTĐ)

Tỉ lệ nữ thanh thiếu niên có nhận thức về các BLTQĐTĐ khá cao (71,2%). Tuy nhiên, nhận thức về một vấn đề nào đó (ở đây được hiểu là có nghe nói về vấn đề đó) chưa chắc đã nói lên kiến thức và hiểu biết đúng về trong lĩnh vực đó.

Nhìn chung các em biết về HIV/AIDS nhiều hơn các BLTQĐTĐ khác. Cụ thể là trong 577 nữ thanh thiếu niên có kiến thức về các BLTQĐTĐ có đến 533 biết đến HIV/AIDS (92,4%), kể đến là giang mai (72,4%) và lậu (54,8%). Điều này tương đương với kết quả nghiên cứu kiến thức – thái độ – thực hành về SKSS của học sinh PTHH Tp.HCM năm 2004 của tác giả Diệp Từ Mỹ và Nguyễn Văn Lợi. Tuy nhiên lại thấp hơn so với nghiên cứu của Lương Thị Hiền (năm 2005) với 83,3% có kiến thức về các BLTQĐTĐ⁽³⁾. Điều này có thể lý giải là do đối tượng trong nghiên cứu của tác giả Lương Thị Hiền là sinh viên trường Cao đẳng với trình độ học vấn cao hơn cũng như khả năng tiếp cận với thông tin dễ dàng hơn đối tượng của nghiên cứu này.

Tuy nhiên chỉ có một số lượng rất ít đối tượng biết về bệnh Chlamydia (8,3%). Mặc dù theo Tổ chức Y tế thế giới, 3 BLTQĐTĐ mắc nhiều nhất ở nữ giới là lậu, giang mai và Chlamydia. Kết quả này cao hơn so với 7,2% trong điều tra Quốc gia về Vị thành niên và thanh niên Việt Nam⁽¹⁾. Như vậy, điều này cho thấy nữ thanh thiếu niên hiểu biết về các BLTQĐTĐ cũng còn rất hạn chế, gần như chỉ khu trú ở một số bệnh. Hay nói cách khác, công tác tuyên truyền về các BLTQĐTĐ của ta vẫn chỉ tập trung ở một số bệnh, chưa quan tâm đầy đủ đến các BLTQĐTĐ có thể điều trị.

Kiến thức về bệnh phụ khoa

Ngược lại, chưa tới ½ mẫu nghiên cứu có nhận thức về bệnh phụ khoa (chiếm 42,8%). Tỉ lệ này cao hơn nhiều so với 23,9% trong nghiên cứu của chính tác giả năm 2004 trên đối tượng học sinh PTHH. Điều này có thể là do trong nghiên cứu này có một số lượng đối tượng tham gia đã lập gia đình (10,6%) nên có tìm hiểu về bệnh phụ khoa nhiều hơn so với đối tượng là học sinh.

Trong 347 nữ thanh thiếu niên có nhận thức về bệnh phụ khoa chỉ có 79 người (chiếm 22,8%) có kiến thức đúng về triệu chứng của bệnh và

106 người (chiếm 31,4%) có kiến thức đúng về biến chứng.

Các tỉ lệ này đã cho thấy một thực tế là thanh thiếu niên vẫn chưa quan tâm nhiều đến các bệnh phụ khoa, cũng có thể là do các em không cho rằng mình là đối tượng có thể mắc bệnh nên không có nhu cầu tìm hiểu. Bên cạnh đó, điều này cũng cho thấy chương trình giáo dục sức khỏe của chúng ta chưa thực sự hiệu quả.

Kiến thức về thai sản

Trong 810 mẫu nghiên cứu có 665 người có kiến thức đúng về tuổi sinh con tốt nhất ở nữ (82,1%). Để tránh được những tác hại do sinh con quá sớm hay quá muộn và để có một thể hệ dân số thông minh, khỏe mạnh thì kiến thức về tuổi sinh con tốt nhất, một trong những kiến thức cơ bản của ưu sinh học là điều vô cùng cần thiết. Tuy nhiên, vẫn còn 17,9% nữ thanh thiếu niên có kiến thức không đúng. Trong đó, một số cho rằng có thể sinh con tốt nhất khi >35 tuổi, một số cho rằng độ tuổi tốt nhất là 18. Do đó, việc tuyên truyền giáo dục vấn đề này cần được duy trì và phát huy hơn nữa.

Thanh thiếu niên còn thiếu kiến thức về thời điểm dễ thụ thai trong chu kỳ kinh nguyệt, chỉ có 20,7% nữ thanh thiếu niên có kiến thức đúng với thời gian dễ thụ thai trong chu kỳ kinh. Phần lớn (79,3%) có kiến thức không đúng. Theo điều tra “Vị thành niên và thanh niên Việt Nam” năm 2005 cho thấy một tỉ lệ cũng tương đương (khoảng 33%) trả lời đúng về thời điểm dễ thụ thai trong chu kỳ kinh nguyệt⁽¹⁾. Phát hiện này cũng đáng lưu tâm vì thanh thiếu niên sẽ khó có thể chủ động về vấn đề thai nghén của họ và có quyết định về các hành vi tình dục của mình cũng như ý thức được các hậu quả có thể xảy ra. Với một thực tế là hiện nay độ tuổi bắt đầu quan hệ tình dục của thanh thiếu niên ngày càng có xu hướng giảm thì việc cung cấp các thông tin về thời điểm dễ thụ thai đã không được truyền thông đầy đủ. Cũng có thể là thanh thiếu niên chưa rõ hoặc nhầm lẫn các khía cạnh khác nhau của vấn đề SKSS. Điều này cho thấy công tác

truyền thông về SKSS cần phải đi vào các nội dung cụ thể chứ không đơn thuần chỉ là những thông điệp truyền thông chung chung cho tất cả mọi người.

Mặt khác, tỉ lệ đối tượng có kiến thức đúng về tai biến sản khoa lại khá cao (74,6%). Đa số đều trả lời được bằng huyết có thể xảy ra trong quá trình mang thai và sinh con.

Kiến thức về các biện pháp tránh thai (BPTT)

Kết quả nghiên cứu cho thấy kiến thức về các BPTT của đối tượng tập trung cao ở một số biện pháp phổ biến. Chiếm tỉ lệ cao nhất là bao cao su (89,5%), kế đến là thuốc uống tránh thai (80,6%), viên tránh thai khẩn cấp (65,4%) và vòng tránh thai (61,2%). Điều này cho thấy nữ thanh thiếu niên đã có quan tâm đến vấn đề tránh thai mặc dù các chương trình kế hoạch hóa gia đình vẫn còn điểm hạn chế khi chưa xem những người chưa lập gia đình và vị thành niên là đối tượng của chương trình.

Thông tin về SKSS

Kết quả số lượng nữ thanh thiếu niên có nhu cầu tiếp nhận thêm thông tin về SKSS chiếm tỉ lệ tương đối cao (88,6%). Kết quả này tương đương với kết quả khảo sát trên học sinh PTTT Tp.HCM của chính tác giả năm 2004 (86,7%)⁽²⁾. Đây là một thuận lợi cho việc tuyên truyền giáo dục về SKSS cho thanh thiếu niên.

Tuy nhiên khi được hỏi về nguồn cung cấp thông tin về SKSS thì đa số các em chọn internet (68,6%), kế đến là sách báo (47,2%). Kết quả này tương đương với Điều tra Quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam năm 2005: 65,4% thanh thiếu niên sử dụng internet để tìm kiếm thông tin⁽¹⁾. Đây là những nguồn thông tin mà các em rất dễ tiếp cận, đặc biệt là các em ở Tp.HCM, một trong những thành phố phát triển bậc nhất của cả nước. Tuy nhiên, cần phải lưu ý rằng internet là nguồn thông tin vô cùng phức tạp, trong đó có không ít những thông tin không lành mạnh mà với khả năng hiểu biết và kinh

nghiệm của các em không thể phân biệt được những thông tin nào đáng tin cậy, những thông tin nào là không chính xác. Riêng nhân viên y tế, nguồn thông tin chính xác, đáng tin cậy về tình dục và SKSS, chỉ chiếm một tỉ lệ rất thấp (5,2%). Điều này cho thấy ngành y tế chưa thực sự tiếp cận đối tượng thanh thiếu niên. Cũng có thể vì đây là vấn đề nhạy cảm nên các em e ngại và thích lựa chọn những nguồn thông tin có thể tự tìm hiểu mà không đối mặt trực tiếp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y Tế, Tổng cục thống kê. Điều tra Quốc gia về Vị thành niên và Thanh niên Việt Nam 51-62.
2. Diệp Từ Mỹ, Nguyễn Văn Lơ. Kiến thức, thái độ, thực hành về SKSS của học sinh PTTH Tp.HCM năm 2004. Tạp chí Y học Tp.HCM, tập 9, phụ bản của số 1. 68-71.
3. Lương Thị Hiên. Kiến thức, thái độ, thực hành về SKSS của sinh viên trường cao đẳng sư phạm Đồng Nai, tháng 5/2005. Khoá luận tốt nghiệp Cử nhân YTCC, Khoa YTCC, Đại học Y Dược Tp.HCM

